



THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0106973513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2015)

Địa chỉ: Số 8C Đinh Công Tráng, P. Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3825 7670

Fax: 04 3933 2892

Website: nuocsachso3hn.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông TRỊNH KIM GIANG **Chức vụ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, Tháng 12 năm 2016



THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH

NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0106973513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2015)

Địa chỉ: Số 8C Đinh Công Tráng, P. Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3825 7670

Fax: 04 3933 2892

Website: nuocsachso3hn.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông TRỊNH KIM GIANG **Chức vụ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, Tháng 12 năm 2016





MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro về kinh tế.....	3
2. Rủi ro về luật pháp.....	5
3. Rủi ro đặc thù.....	5
4. Rủi ro khác.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	6
1. Tổ chức đăng ký giao dịch- Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội.....	6
2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall.....	6
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
2. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty.....	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	11
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông.	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch.....	17
6. Hoạt động kinh doanh.....	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	23
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	25
9. Chính sách đối với người lao động.....	27
10. Chính sách cổ tức.....	29
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	29
12. Tài sản.....	33
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	35
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch.....	35
15. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh.....	39
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:.....	40
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	41
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	41
2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát.....	45
3. Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty:.....	48
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	50
VI. PHỤ LỤC.....	52



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

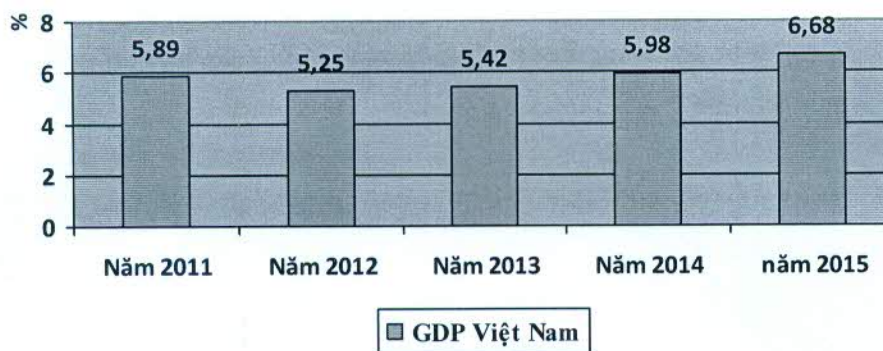
Rủi ro biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội nói riêng.

➤ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố vĩ mô quan trọng hàng đầu. Tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế thể hiện quy mô sản xuất tăng và nhu cầu tiêu thụ cao của thị trường. Với đặc thù là ngành sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ trực tiếp cho đời sống của người dân nên công ty sẽ có được sự quan tâm và đầu tư của Nhà Nước.
- Theo số liệu mới nhất do Tổng cục Thống kê công bố tại ngày 26/12/2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2015 của nước ta đạt 6,68% so với năm 2014, cao hơn hẳn mục tiêu 6,2% đã đề ra từ đầu năm, đồng thời khiến cho tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm (2011-2015) đạt trên 5,9%. Đây là thành công rất lớn, cho thấy đà tăng trưởng đã trở lại mạnh mẽ sau mấy năm khó khăn vừa qua của nền kinh tế.
- Để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với từng thời kỳ phát triển.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2015

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam 2011 -2015



Nguồn: Tổng cục thống kê



➤ **Lạm phát**

- Năm 2015, ghi nhận chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, chỉ ở mức 0,63%. Tháng 1 năm 2016, lạm phát ở mức 0,8% (so cùng kỳ), tăng nhẹ so với tháng trước. Lạm phát được duy trì ở mức thấp, thấp hơn tăng trưởng GDP và thấp hơn mức mục tiêu đề ra 5%, nguyên nhân được xác định đến từ sự giảm giá của hai nhóm mặt hàng năng lượng và lương thực, vốn đóng góp một tỷ lệ đáng kể trong rổ hàng hóa tính CPI.
- Giá dầu thô thế giới giao ngay chứng kiến mức giảm kỷ lục những tháng cuối năm 2015 và đầu năm 2016, ghi nhận mức thấp nhất trong 12 năm (kể từ khi giá dầu Brent chạm đáy tháng 4/2004). Việc giá dầu giảm tạo thách thức rất lớn đối với nguồn thu ngân sách trong bối cảnh thâm hụt ngân sách nhà nước đang ở mức báo động, tuy nhiên yếu tố này giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, từ đó nới rộng biên lợi nhuận. Hơn nữa, diễn biến giá năng lượng đóng góp vào việc lạm phát chỉ tăng thấp hơn 1% (do chi phí đẩy tăng thấp) khiến giảm bớt lo ngại về nguy cơ giảm phát và tạo tiền đề để ổn định chính sách tiền tệ.

Biểu đồ 2: CPI một số năm gần đây



Nguồn: Tổng cục thống kê

Để quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty cũng theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển phù hợp, hạn chế bớt những ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô.

➤ **Lãi suất**

- Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.
- Ngoài các yếu tố thị trường, năng lực kinh doanh, lãi suất là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với các doanh nghiệp vì doanh nghiệp chủ yếu vay ngân hàng. Chính vì vậy, chỉ cần một sự



thay đổi của lãi suất sẽ kéo theo hiệu ứng tổng thể, khi lãi suất tăng cao ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của các cá nhân, chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp, gia tăng chi phí cho các doanh nghiệp, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, doanh thu và lợi nhuận giảm.

- Theo số liệu mới nhất về hoạt động ngân hàng năm 2015, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho biết mặt bằng lãi suất năm 2015 đã giảm mạnh. Lãi huy động giảm 0,2-0,5% một năm và hiện ở mức tương đối thấp nhưng lòng tin vào VND được củng cố. Lãi suất cho vay cũng giảm 0,3-0,5% một năm so với cuối năm trước, đưa mặt bằng lãi suất giảm khoảng 50% so với cuối năm 2011. Hiện nay, mặt bằng lãi suất cho vay đang ở mức 6-9% (ngắn hạn), 9-11% (dài hạn). Với việc, Ngân hàng nhà nước quy định mức lãi suất thấp, khiến cho chi phí sử dụng vốn từ các khoản vay của doanh nghiệp giảm xuống, đồng nghĩa với việc khuyến khích các doanh nghiệp thúc đẩy sử dụng vốn vay trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội là đơn vị duy nhất cung cấp nước sạch cho địa bàn quận Hoàn Kiếm, hơn nữa đây là mặt hàng thiết yếu mà xã hội cần phải sử dụng do vậy những rủi ro về kinh tế không ảnh hưởng nhiều đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

- Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường,... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn các tổ chức, cá nhân cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

3. Rủi ro đặc thù

➤ Rủi ro thất thoát nước

Hệ thống cấp nước của Công ty được đặt ngầm dưới đất, qua thời gian sử dụng sẽ xảy ra các sự cố vỡ đường ống, rò rỉ đường ống gây thất thoát nước trong quá trình cung cấp nước từ nhà máy đến các hộ dân. Như vậy, tỷ lệ nước thu được tiền của Công ty sẽ bị giảm xuống, làm tăng



chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đang tích cực triển khai các công tác chống thất thu thất thoát để tăng tỷ lệ thu tiền nước, từ đó tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

➤ **Rủi ro chính sách giá bán nước**

Để đảm bảo ổn định về an sinh xã hội, giá bán nước sạch được các cơ quan quản lý nhà nước không chế rất chặt chẽ và có quy định khung giá bán nước trong từng thời kỳ, doanh nghiệp kinh doanh nước sạch không thể tự chủ động tăng giá bán nước vượt khung giá đã quy định. Do vậy, với một địa bàn đã ổn định về dân cư thì doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh nước sạch không thể tăng trưởng mạnh nếu không có sự tăng giá. Mặt khác, nếu giá chi phí đầu vào cho sản xuất tăng lên, với giá bán nước không được điều chỉnh tăng tương ứng thì lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bị sụt giảm.

4. Rủi ro khác

Công ty có thể gặp một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, rủi ro biến động chính trị, xã hội... đều có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.

1. Tổ chức đăng ký giao dịch- Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội.

Ông **Trịnh Kim Giang**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản thông tin tóm tắt này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall.

Ông **Nguyễn Việt Thắng**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2013/WSS-UQ ngày 26/11/2013 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall).

Bản thông tin tóm tắt này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản thông tin tóm tắt này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong bản thông tin tóm tắt này, một số từ viết tắt được hiểu như sau:

Từ viết tắt	Giải thích
Tổ chức đăng giao dịch:	Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Công ty	Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
Tổ chức tư vấn:	Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall
VĐL:	Vốn điều lệ
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT:	Hội đồng quản trị
BTĐ:	Ban Giám đốc
BKS:	Ban Kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
Giấy CNĐKKD:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC:	Báo cáo tài chính
SXKD:	Sản xuất Kinh doanh
TCĐKGD:	Tổ chức Đăng ký Giao dịch
VND:	Đồng Việt Nam



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch.

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI**

Tên Tiếng Anh : HA NOI WATER MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY No 3

Tên viết tắt : **HAWACOM3.JSC**

Người đại diện theo pháp luật : Ông Trịnh Kim Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trụ sở chính : Số 8C Đinh Công Tráng, P. Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website : <http://nuocsachso3hn.vn/>

Điện thoại : 04 3933 3992 Fax: 04 3933 2892

Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận ĐKDN số 0106973513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2015.

Vốn điều lệ đăng ký : 55.000.000.000 (Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn)

Vốn điều lệ thực góp : 55.000.000.000 (Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn)

Số tài khoản : 102010000771861- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2	Phá dỡ	4311
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: <i>Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...</i>	4663
6	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên	4752



	doanh, chi tiết: <i>Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...</i>	
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết: <i>Thiết kế và phác thảo công trình; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến dự án quản lý nước.</i>	7110

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội**
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Mã chứng khoán: NS3
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 5.500.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 278.800 cổ phần, trong đó:

- + Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của CBCNV đăng ký mua theo số năm cam kết làm việc tại Công ty khi cổ phần hóa theo khoản 2 điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: 122.400 cổ phần (tương ứng 2,23% tổng số cổ phần đang lưu hành).
- + Cổ phần chỉ được chuyển nhượng khi có sự thông qua của Hội đồng quản trị theo khoản 5 điều 15 Điều lệ Công ty: 156.400 cổ phần (tương ứng 2,84% tổng số cổ phần đang lưu hành).
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:
- + Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.
- + Tại thời điểm ngày 30/09/2016, số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0% tổng số cổ phần đang lưu hành.

1.3. Quá trình hình thành, phát triển

- Công ty Kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm được thành lập năm 1994 theo Quyết định số 410/QĐ-TC ngày 17/04/1994 là đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty TNHH MTV Nước Sạch Hà Nội, có nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh nước sạch cho 18 Phường thuộc Quận Hoàn Kiếm.



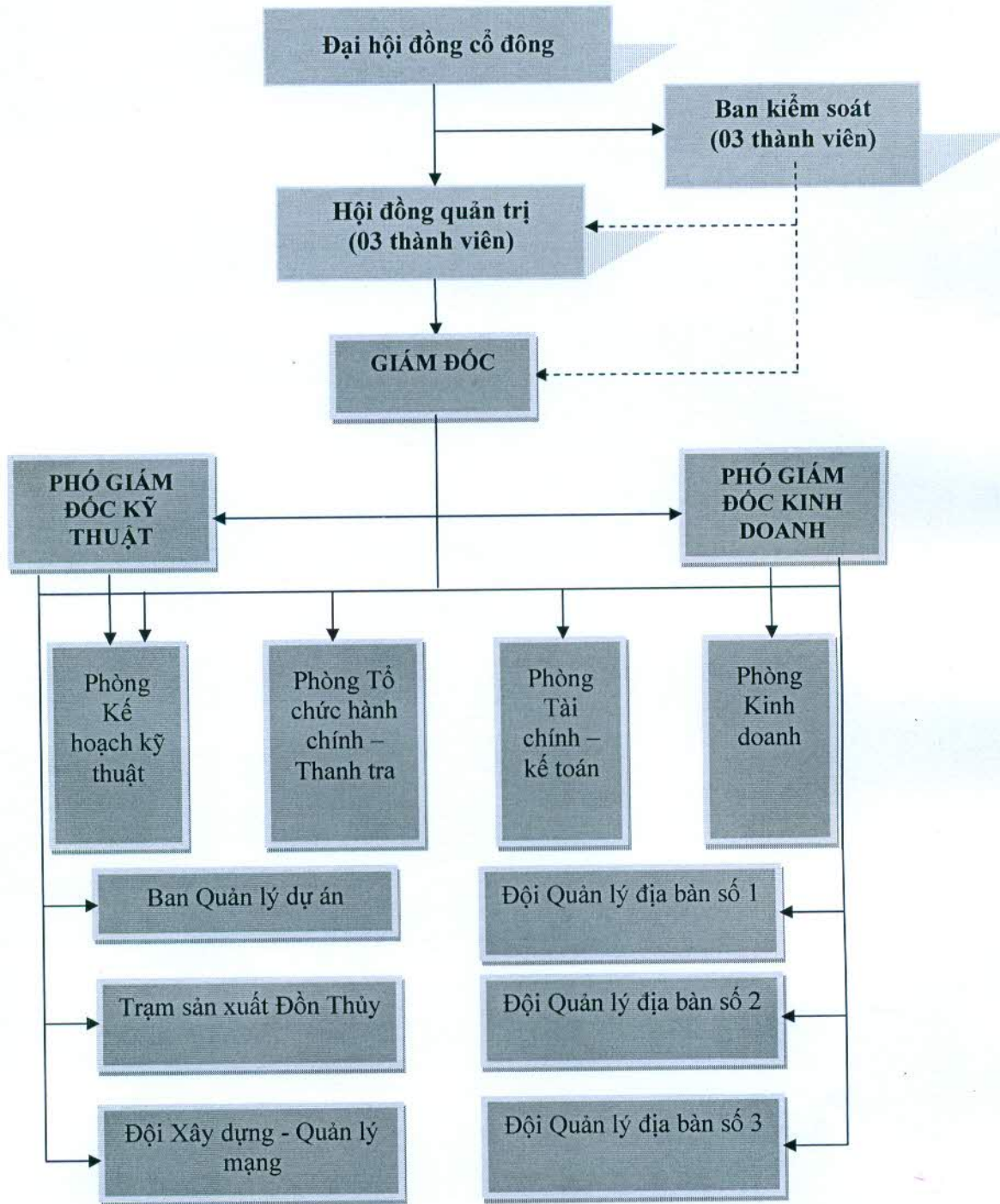
- Từ khi thành lập đến nay, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Tổng Giám đốc Công ty nước sạch Hà Nội về định hướng phát triển và giao nhiệm vụ sản xuất, phục vụ cấp nước, quản lý mạng lưới cấp nước và ghi thu tiền nước trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm, Công ty đã đảm bảo cấp nước trong khu vực 18 phường thuộc Quận Hoàn Kiếm với tổng diện tích 5,29 km² và 157.276 dân, số lượng khách hàng đang quản lý là 36.214 khách hàng.
- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 29/12/2012, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2252/TTg-ĐMDN về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015.
- Ngày 18/04/2013 Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2699/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm thuộc Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội.
- Ngày 17/10/2014 Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 5348/QĐ-UBND về việc phê duyệt Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014 và Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm thuộc Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Nội.
- Ngày 13/02/2015, tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.571.500 cổ phần và đấu giá thành công bình quân là 13.844 đồng/cổ phần.
- Ngày 25/07/2015, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội.
- Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0106973513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2015 với mức vốn điều lệ là: 55.000.000.000 đồng.
- Ngày 17/12/2015 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 7825/UBCK-GSDC về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội.
- Ngày 02/12/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 168/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 5.500.000 cổ phiếu.

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội hoạt động ổn định với mức vốn điều lệ là: 55.000.000.000 đồng và không tiến hành tăng vốn điều lệ.



2. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của kiểm toán viên;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

3.2 Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập ĐHCĐ theo quy định, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của công ty quy định.

3.3 Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;



- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Hằng năm, trình ĐHĐCĐ các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của công ty, nêu ra
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

3.4 Ban Giám Đốc điều hành

Ban Giám đốc gồm có một Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc giúp việc, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của Giám đốc và Phó Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

3.5 Phòng Tổ chức hành chính – Thanh tra

➤ Công tác tổ chức

- Tham mưu cho lãnh đạo trong công tác tổ chức, quy hoạch cán bộ, Xây dựng mô hình tổ chức.
- Thực hiện công tác tổ chức cán bộ.
- Quản lý lưu trữ hồ sơ của CBCNV Công ty và các tài liệu liên quan đến công tác tổ chức, trích nộp bảo hiểm đối với Nhà nước.
- Theo dõi nhân lực và bố trí nhân lực toàn Công ty có phòng, ban, đội trên cơ sở phù hợp
- Nắm bắt, cập nhật thường xuyên các thông tin văn bản pháp luật mới của Nhà nước để thực hiện đúng quy định.
- Giải quyết chính sách đối với người lao động: chế độ tuyển dụng, hưu trí, bảo hiểm xã hội, y tế, an toàn lao động, khen thưởng kỷ luật, chế độ thỏa ước lao động tập thể.
- Giải quyết các thủ tục để thực hiện chế độ ốm đau, thai sản tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tham gia xây dựng tiêu chuẩn, chức danh, định biên nhân lực, định mức lao động trong thang bảng lương Công ty.

➤ Công tác hành chính

- Quản lý và thực hiện công tác hành chính lễ tân, phục vụ.
- Quản lý hồ sơ giấy tờ đất đai nhà xưởng thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty.
- Quản lý công tác văn thư và lưu trữ, mua sắm cấp phát hành chính.
- Thực hiện công tác hành chính một cửa, tiếp nhận công văn khiếu nại của khách hàng để chuyển Ban giám đốc và các bộ phận có liên quan xử lý.

➤ Công tác Thanh tra

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chế độ, chính sách của nhà nước, thực hiện các quy định, quy chế của Công ty đối với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Công ty về hoạt động sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch.



- Kiểm tra việc chấp hành sử dụng nước sạch và thanh toán tiền nước của khách hàng theo quy định, quy chế của Công ty.
- Kiểm tra việc ghi thu tiền nước hàng tháng.
- Kiểm tra việc lắp đặt thi công các công trình cấp nước trong địa bàn Công ty quản lý.
- Điều tra, kiến nghị Ban lãnh đạo Công ty phương án xử lý đối với các tập thể, cá nhân vi phạm các quy định, quy chế.

➤ **Công tác bảo vệ**

- Xây dựng các phương án, kế hoạch bảo vệ địa bàn, bảo đảm an toàn tài sản trong Công ty.
- Triển khai thực hiện các chỉ thị, kế hoạch về công tác bảo vệ của cấp trên và Công an thành phố.
- Quản lý, đảm bảo an toàn cơ sở vật chất, an ninh, trật tự tài sản của Công ty.

3.6 Phòng Tài chính kế toán

- Xây dựng trình Giám đốc và Hội đồng quản trị ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện quy chế, đồng thời xây dựng kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm của Công ty phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức hạch toán, thống kê kế toán, phản ánh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chủ trì trong việc thực hiện định kỳ công tác báo cáo tài chính, kiểm kê, đánh giá tài sản trong Công ty, kiến nghị thanh lý tài sản vật tư tồn đọng, kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng.
- Phối hợp với các phòng chức năng khác về khai thác, sử dụng tài sản, máy móc, vật kiến trúc của Công ty một cách hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ công tác kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước, phát hành, luân chuyển, lưu trữ chứng từ, sổ sách, tài liệu kế toán theo quy định của Nhà nước.
- Lập và nộp đúng hạn các Báo cáo tài chính, Báo cáo thuế trung thực cho các cơ quan chức năng.

3.7 Phòng Kế hoạch - kỹ thuật

➤ **Đối với công tác kế hoạch**

- Tham mưu xây dựng kế hoạch hàng năm, 5 năm và dài hạn của Công ty.
- Tổng hợp số liệu, quản lý và đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty.
- Phối hợp với các phòng, ban kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm theo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã giao.
- Xây dựng các kế hoạch phụ trợ để thực hiện các kế hoạch chính như:
 - o Kế hoạch cải tạo xây dựng nhà cửa, văn phòng.
 - o Kế hoạch sửa chữa các thiết bị văn phòng.
 - o Kế hoạch tiền lương.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát, phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty. Đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện kế hoạch.



➤ **Công tác Kỹ thuật:**

- Lập và thực hiện công tác vận hành mạng lưới theo quy định.
- Kiểm tra, kiểm soát, theo dõi và quản lý hệ thống đồng hồ tổng, đồng hồ tách mạng, đồng hồ định kỳ của từng ô cấp nước.
- Kiểm tra, lập kế hoạch phân vùng tách mạng (DMA) nghiên cứu tìm kiếm thất thoát.
- Giám sát thử áp lực, đầu giáp, xúc xả các công trình cấp nước, lắp đặt đồng hồ tổng của đơn vị thi công. Vận hành mạng lưới cấp nước theo quy định.
- Tiếp nhận, giải quyết các đơn cải tạo, sửa chữa đến lắp đặt mới, hồ sơ thỏa thuận công trình cấp nước. Cung cấp thông tin công trình ngầm cấp nước theo quy định.
- Đề xuất mua sắm vật tư phục vụ công tác sản xuất kinh doanh. Theo dõi cấp phát vật tư.

Công tác tư vấn thiết kế

- Lập kế hoạch khảo sát dự án, thiết kế và hoàn chỉnh hồ sơ dự án thiết kế chi tiết và hồ sơ kỹ thuật thi công, lập tổng dự toán của dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Khảo sát mặt bằng, hiện trạng môi trường có ảnh hưởng đến dự án.
- Theo dõi quá trình thực hiện hồ sơ dự án, thiết kế.
- Bảo vệ trình duyệt Dự án và Thiết kế.

3.8 Phòng Kinh doanh

- Xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng năm, 3 năm, 5 năm và dài hạn của Công ty.
- Chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch ghi thu tiền nước. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của các đội quản lý khách hàng và toàn Công ty theo định kỳ.
- Quản lý hóa đơn đặc thù do công ty in theo quy định của Bộ tài chính. Quyết toán sử dụng hóa đơn nước của Công ty với cơ quan chức năng theo định kỳ.
- Theo dõi dữ liệu khách hàng truyền về Công ty, đảm bảo dữ liệu đồng bộ, thống nhất.
- Lập kế hoạch mua sắm máy móc, thiết bị, bảo dưỡng định kỳ duy trì Hệ thống phần mềm.
- Xây dựng giá nước bình quân, tỷ lệ nước và kế hoạch doanh thu cho các đội quản lý khách hàng trong Công ty.

3.9 Ban Quản lý dự án

- Xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện các dự án. Tổ chức thẩm tra, thẩm định các nội dung của dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật. Hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán.
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên quan đến kế hoạch triển khai dự án, chuẩn bị đầu tư dự án của các đơn vị, tổ chức kinh tế có liên quan.
- Lập hồ sơ thẩm định dự án, các văn bản pháp lý liên quan đến phê duyệt dự án theo quy định hiện hành đối với dự án do Công ty phê duyệt, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán: Tổ chức nghiệm thu hồ sơ; Lập hồ sơ phục vụ thanh quyết toán vốn đầu tư đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo hợp đồng được ký kết liên quan đến công việc được giao.



- Trực tiếp liên hệ, giao dịch làm việc với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Công ty trên cơ sở chức năng được giao.

3.10 *Đội Xây lắp - quản lý mạng*

- Thực hiện công tác chữa vỡ các tuyến ống phân phối, dịch vụ và cụm đồng hồ đầu nước vào nhà cho các khách hàng tư nhân và cơ quan trên địa bàn Công ty.
- Triển khai công tác cắt bỏ ống cũ.
- Thực hiện công tác quản lý, vận hành các máy móc thiết bị, phương tiện cơ giới nhằm phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty dựa trên cơ sở các quy định của Công ty.
- Thực hiện các công việc liên quan đến cụm đồng hồ như: giám sát, kẹp chì, đổ bê tông cụm đồng hồ các công trình: thay thế đồng hồ A,B,C; đồng hồ định kỳ; lắp mới, nâng cốt, dịch chuyển cụm đồng hồ trên địa bàn Công ty quản lý.
- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác đảm bảo an toàn cho hệ thống cấp nước, đảm bảo việc cấp nước ổn định trên địa bàn Công ty quản lý.
- Thi công các công trình: lắp mới, nâng cốt, dịch chuyển đồng hồ...các khách hàng tư nhân và cơ quan trên địa bàn Công ty quản lý.
- Lập hồ sơ thanh quyết toán, tổ chức nghiệm thu các công trình theo đúng quy định.
- Giám sát các công trình thi công do đơn vị xây lắp khác.
- Nghiên cứu và đề xuất với lãnh đạo Công ty trong công tác vận hành van mạng.
- Đảm bảo an toàn trong quá trình thi công và tuân thủ theo các quy định của Công ty.

3.11 *Trạm Sản xuất nước*

- Xây dựng kế hoạch SXKD trong đó bao gồm các kế hoạch: tháng, quý, năm nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty phù hợp với từng thời điểm theo chức năng, nhiệm vụ mà Công ty giao cho.
- Xây dựng kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng định kỳ trạm sản xuất nước, trạm bơm tăng áp.
- Tăng cường công tác quản lý đảm bảo tiêu chuẩn dùng nước của Bộ Y tế.
- Lập kế hoạch mua sắm vật tư trang thiết bị phục vụ an toàn sản xuất, phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ.
- Đôn đốc thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, chỉ đạo việc thi công theo đúng thiết kế, quy trình, quy phạm kỹ thuật đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Kiểm tra, ký biên bản nghiệm thu bàn giao với các đơn vị bên ngoài khi thực hiện việc bảo dưỡng sửa chữa.

3.12 *Các đội quản lý địa bàn*

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong đó bao gồm các kế hoạch: tháng, quý, năm và dài hạn nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty phù hợp với từng thời điểm theo chức năng, nhiệm vụ mà Công ty giao cho.
- Tiếp nhận, theo dõi, kết hợp với các bộ phận thực hiện theo quy định về quy trình quản lý khách hàng, quy trình kiểm tra sửa chữa đồng hồ và nguồn cấp nước ... cho các khách



hàng tư nhân, cơ quan trên địa bàn Công ty theo phân cấp của Công ty.

- Đề xuất các biện pháp với lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý chống thất thoát, thất thu để đạt được các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Phối hợp với Phòng Kế hoạch kỹ thuật nghiên cứu chống thất thoát, thất thu, sắp xếp sổ, tách sổ theo đai, theo khu vực.
- Kiểm tra, đánh giá, phân tích nguyên nhân các khu vực có tỷ lệ thất thoát cao.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/09/2016

Tính đến thời điểm ngày 30/09/2016, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/09/2016

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	134	5.500.000	100
1	Tổ chức	3	3.999.300	72,71
2	Cá nhân	131	1.500.700	27,29
II	Nước ngoài	0	0	0
Tổng cộng		134	5.500.000	100

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại thời điểm ngày 30/09/2016 của CTCP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội)

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/09/2016

Bảng 2: Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại ngày 30/09/2016

Cổ đông	Số CMT/ĐKKD	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	0100106225	44 Đường Yên Phụ, Ba Đình, Hà Nội.	3.608.700	65,61
Công ty cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	0101933309	Số 85 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	290.600	5,28
Tổng cộng			3.899.300	70,90

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại thời điểm ngày 30/09/2016 của CTCP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội)

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập

CTCP Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa do vậy không có cổ đông sáng lập.



5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.

5.1 Công ty mẹ:

Công ty TNHH Một thành viên nước sạch Hà Nội (Hawaco)

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100106225 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/06/2008, Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/04/2015)

Địa chỉ: 44 Đường Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba đình, thành phố Hà nội

Điện thoại: (04) 3829 3179

Fax: 04 3716 3611

Vốn điều lệ: 4.226.000.000.000 đồng (Bốn nghìn, hai trăm hai mươi sáu tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Khai thác, sản xuất, phân phối, kinh doanh nước sạch cho các khách hàng có nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, công nghệ thuộc ngành nước. Tư vấn KSTK, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp thoát nước và công trình phụ trợ. Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà để bán và cho thuê. Kinh doanh vui chơi giải trí, trông giữ xe máy. Đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong các lĩnh vực nêu trên. Thực hiện đầu tư tài chính vào các ngành, lĩnh vực có lợi nhuận cao để tích lũy vốn cho phát triển ngành nước.

Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2016: Nắm giữ 3.608.700 cổ phần chiếm 65,61% vốn điều lệ Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội.

5.2 Các công ty con

Không có

5.3 Danh sách những Công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.4 Danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm dịch vụ chủ yếu của Công ty

❖ Sản phẩm dịch vụ chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Sản xuất và sửa chữa đường ống và phụ kiện về chuyên ngành nước;
- Thiết kế, thi công, sửa chữa, lắp đặt trạm nước nhỏ và đường ống cấp nước quy mô vừa theo yêu cầu của khách hàng.



❖ Sản lượng các sản phẩm dịch vụ chính

Bảng 3: Sản lượng sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

STT	Sản phẩm	Năm 2014	Năm 2015	6 Tháng Năm 2016
1	Sản xuất nước(m ³)	3.247.860	3.282.205	1.679.075
2	Nước cấp vào(m ³)	15.055.696	14.282.879	6.845.782
3	Nước thu được tiền(m ³)	13.693.213	13.366.846	6.336.167
4	Tỷ lệ nước thu được tiền (%)	74,81	76,10	74,33
5	Doanh thu tiền nước(đồng)	128.872.335.180	161.265.727.674	88.691.993.669
6	Thực thu tiền nước(đồng)	129.164.901.205	160.950.579.407	88.639.467.542

Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội

6.2 Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Doanh thu thuần

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Doanh thu thuần	Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 31/08/2015 (TNHH -MTV)		Từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 (CTCP)		Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 (CTCP)	
		Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
1	Kinh doanh nước	119.789	99,40%	89.055	97,79%	41.405	99,562%	37.777	99,939%
2	Xây lắp	708	0,59%	2.008	2,20%	181	0,435%	21	0,056%
3	Khác	19	0,02%	6	0,01%	1	0,002%	2	0,005%
Tổng		120.516	100,00%	91.069	100,00%	41.587	100,00%	37.800	100,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)

Doanh thu của Công ty được đóng góp chủ yếu từ hoạt động kinh doanh và dịch vụ nước, luôn chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Cụ thể, các năm 2014, 2015 và 06 tháng đầu năm 2016 hoạt động này luôn đóng góp trên 98% trong tổng doanh thu của Công ty. Ngoài hoạt động kinh doanh nước Công ty còn phát triển hoạt động xây lắp và các hoạt động khác, tuy nhiên doanh thu đến từ các hoạt động này thường chiếm tỷ trọng khá nhỏ (dưới 2%) trên tổng doanh thu của Công ty.



❖ Lợi nhuận gộp

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hoạt động	Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 31/08/2015 (TNHH –MTV)		Từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 (CTCP)		Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 (CTCP)	
		Lợi nhuận	Tỷ trọng/DTT	Lợi nhuận	Tỷ trọng/DTT	Lợi nhuận	Tỷ trọng/DTT	Lợi nhuận	Tỷ trọng/DTT
1	Kinh doanh nước	36.877	30,60%	30.060	33,01%	14.552	34,992%	14.561	38,52%
2	Xây lắp	78	0,06%	43	0,05%	17	0,041%	2	0,01%
3	Khác	19	0,02%	6	0,01%	1	0,002%	2	0,01%
Tổng cộng		36.974	30,68%	30.109	33,07%	14.570	35,035%	14.565	38,54%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)

6.3 Nguyên vật liệu

➤ Nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty là công ty con của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, thuộc khối kinh doanh, chuyên kinh doanh, phân phối nước sạch cho dân cư thuộc địa bàn quận Hoàn Kiếm. Nguồn nước để cấp cho các hộ dân, các cơ quan được Công ty lấy từ hai nguồn chính:

- Từ Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội: Công ty lấy nước sạch từ các nhà máy sản xuất nước của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội như nhà máy nước tại Yên Phụ, Gia Lâm Nguồn cung cấp nước này cung cấp khoảng 83% lượng nước cấp vào mạng phân phối nước của Công ty.
- Từ Trạm sản xuất nước Đồn Thủy: Đây là trạm sản xuất nước của Công ty, có năng lực sản xuất được khoảng 18% lượng nước cấp vào mạng phân phối của Công ty. Hiện trạm Đồn Thủy có công suất thiết kế 12.000 m³/ngày/đêm, sử dụng nguyên liệu nước thô từ bốn giếng khoan: H6 và H7 tại Số 8C Đinh Công Tráng, Hà Nội; H8 tại Số 02 Phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và H9 tại Vườn hoa Tăng Bạt Hổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Sau khi nguồn nước thô được lắng lọc, trạm sử dụng hóa chất chủ yếu là Clo để xử lý nước trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01/2009/ TT - BYT được Bộ trưởng bộ y tế ban hành ngày 17/6/2009”.

➤ Sự ổn định của các nguồn cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu

Các nguồn cung cấp nước luôn ổn định và đảm bảo chất lượng nước để cung cấp nước cho các hộ dân. Trong thời gian qua, Công ty luôn đảm bảo cung cấp nước cho 100% dân cư trong địa bàn cấp nước với tiêu chuẩn cấp nước 121 lít/người/ngày đêm.



- **Ảnh hưởng của giá hàng hóa đầu vào đến doanh thu và lợi nhuận**
 - Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ hoạt động kinh doanh nước sạch, nên giá mua nước (giá vốn) có ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty.
 - Tuy nhiên, hiện nay Công ty là Công ty con của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, do vậy phía Công ty TNHH MTV Nước sạch luôn có chính sách nhằm đảm bảo giá bán nước phù hợp cho Công ty để ổn định sản xuất kinh doanh và có lãi.
- **Các nhà cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty**

Bảng 6: Các nhà cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty:

STT	Tên nhà cung cấp	Vật liệu/ Hàng hóa
1	Công ty CP đầu tư Phát triển Vân Giang	Hàng hóa phụ kiện vật tư đồ sắt tráng kẽm
2	Công ty CP Thương mại Lạc Việt	Phụ kiện và đồng hồ điện tử, đồng hồ cơ từ D \geq 20
3	Công ty TNHH PTP	Đồng hồ D15
4	Công ty TNHH TM & công nghiệp động lực	Phụ kiện bơm chìm giếng khoan
5	Công ty TNHH Cơ khí Tân Phát	Phụ kiện hộp bảo vệ đồng hồ
6	Công ty TNHH Dịch vụ & TM TGC	Phụ kiện vật tư đồ PEH
7	Công ty nước sạch Hà Nội	Nước bán qua các đồng hồ tổng
8	Công ty nước sạch số 2	Nước bán qua các đồng hồ tổng

Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội

6.4 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

- Nước sạch là nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của xã hội, Công ty rất chú trọng đến tình hình kiểm tra chất lượng nguồn nước nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho nhân dân trong khu vực cấp nước.
- Chất lượng nước sản xuất thường xuyên được kiểm tra bởi Trạm sản xuất nước Đồn Thủy, đồng thời định kỳ Công ty thực hiện xét nghiệm các mẫu nước để đảm bảo chất lượng nước theo đúng tiêu chuẩn “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01/2009/TT - BYT được Bộ trưởng bộ y tế ban hành ngày 17/6/2009” của Bộ Y tế đã quy định.

6.5 Hoạt động Marketing

Hiện tại, do Công ty là công ty con của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, có nhiệm vụ cung cấp nước sạch trong địa bàn Quận Hoàn Kiếm, hơn nữa, mặt hàng Công ty cung cấp là hàng tiêu dùng đặc thù mà mọi người dân đều có nhu cầu sử dụng và chỉ có Công ty cung cấp trên địa bàn nên Công ty không thực hiện các hoạt động Marketing.

6.6 Trình độ công nghệ

Bảng 7: Danh mục trang thiết bị công nghệ bơm nước

STT	Trang thiết bị công nghệ bơm nước	Số lượng (chiếc)	Mô tả
1	Bơm nước sạch 1,5 – 55	14	Trong nhà trạm sản xuất Đồn Thủy
2	Bơm nước sạch 1,75 - 4	3	Trong nhà (Trạm bơm 23 Bà Triệu)
3	Bơm nước sạch 5,5	2	Trong nhà (Trạm bơm 6 Trần Quốc Toản)

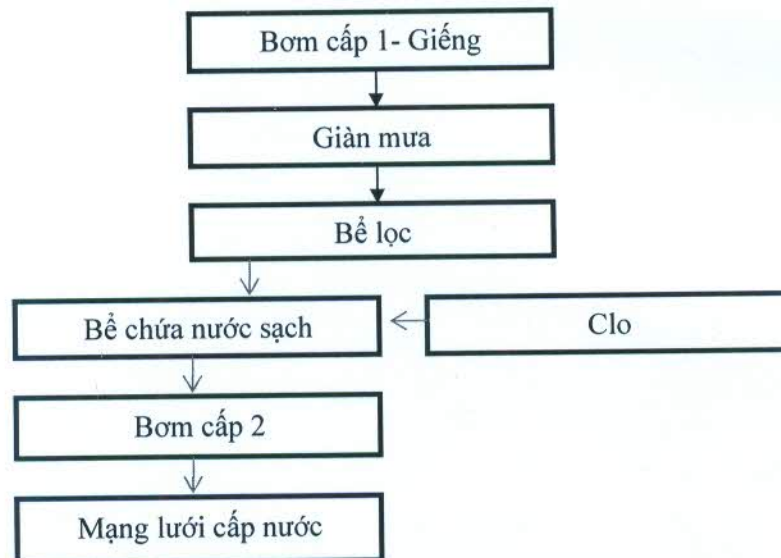
Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội

Bảng 8: Phương tiện vận tải của Công ty

STT	Phương tiện vận tải	Số lượng (chiếc)	Mô tả
1	Xe bốn chỗ laser	1	Phục vụ công ty
2	Xe bán tải isuzu	1	Phục vụ công ty

Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội

Sơ đồ dây chuyền trạm bơm cấp nước – Trạm Đồn Thủy



Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội

Thuyết minh:

- Giếng: Bơm chìm, Khoan với độ sâu 670m, Công suất 150m³/h, đưa nước thô đường ống góp chung đến giàn mưa.
- Giàn mưa: Oxy hóa sắt (gồm 5 giàn mưa cho 5 bể lọc)



- Bể Lọc: Bể lọc nhanh, dùng cát lọc là cát thạch anh.
- Bể chứa: Dung tích 1500m³, được bơm cấp 2 bơm ra ngoài mạng lưới.
- Bơm cấp 2: Gồm 3 bơm, Công suất 360-370m³/h, H=30m.

6.7 Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Không có

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, 2015 và 3 tháng đầu năm 2016.

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, 2015 và 03 tháng đầu năm 2016

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014 (TNHH –MTV)	Năm 2015		Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 (CTCP)
		Từ 01/01/2015 đến 31/08/2015 (TNHH –MTV)	Từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 (CTCP)	
Tổng giá trị tài sản	97.686.335.919	89.745.034.653	89.212.287.721	84.433.243.438
Vốn chủ sở hữu	78.809.603.761	63.697.148.043	58.575.349.341	63.738.175.393
Doanh thu thuần	120.516.130.555	91.069.182.327	41.586.554.448	37.799.917.833
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.076.344.326	10.970.724.295	4.583.336.507	6.450.805.292
Lợi nhuận khác	-	-	444.700	2.727.273
Lợi nhuận trước thuế	17.076.344.326	10.970.724.295	4.583.781.207	6.453.532.565
Lợi nhuận sau thuế	17.076.344.326	10.970.724.295	3.575.349.341	5.162.826.052
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	-	-	10.650	11.589
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	3%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)

Ghi chú:

- Giai đoạn năm 2014 và giai đoạn từ 01/01/2015 – 31/08/2015 Công ty hoạt động dưới hình thức Xi nghiệp Kinh doanh. Do đó, Các chỉ tiêu giá trị sổ sách và tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức không tính toán.
- BCTC cho giai đoạn từ 01/01/2015 – 31/08/2015 và từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của Công ty



sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Đến thời điểm hiện tại, cơ quan thuế vẫn chưa tiến hành kiểm tra BCTC của Công ty, do đó số liệu trên có thể sẽ bị điều chỉnh theo quyết định của cơ quan thuế.

Nhân xét:

Năm 2015 cũng là năm đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động của Công ty khi Công ty thực hiện công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/09/2015. Giai đoạn đầu sau công tác cổ phần hóa là giai đoạn ổn định mô hình hoạt động và thay đổi cơ cấu quản lý cũng như điều hành Công ty, cùng với đó công tác cổ phần hóa gắn liền với việc xác định lại giá trị doanh nghiệp và vốn điều lệ của Công ty, chính vì vậy các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2015 giảm nhẹ so với năm 2014. Bước sang năm 2016, khi mô hình hoạt động của Công ty dần đi vào ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã cho thấy nhiều chuyển biến tích cực.

✦ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm:

Đối với những tài sản cố định thực hiện đánh giá lại giá trị để cổ phần hóa, Xí nghiệp đang trích khấu hao tài sản cố định dựa trên giá trị còn lại sau khi xác định lại giá trị đã được phê duyệt theo quyết định số 6475/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND Tp.Hà Nội.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của Ban lãnh đạo cùng các phòng, ban chức năng của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội.
- Được sự quan tâm, giúp đỡ của Ủy ban nhân dân Quận Hoàn Kiếm và 18 phường trong địa bàn kinh doanh.
- Ban lãnh đạo Xí nghiệp, cán bộ công nhân viên đoàn kết, nhất trí và cố gắng cao trong sản xuất kinh doanh.
- Quận Hoàn Kiếm có nhiều lợi thế, nhỏ, gọn, khách hàng tập trung dễ quản lý. Đây là quận có hoạt động dịch vụ thương mại, trung tâm của thủ đô với nhiều nhà hàng, khách sạn, khách hàng có nhu cầu sử dụng lớn như bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Phụ sản Trung ương... Nhu cầu dùng nước nhiều, đơn giá nước cao.
- Nguồn cấp nước thuận lợi, trong đó có nguồn nước tự sản xuất của trạm Đồn Thủy chiếm 18% nguồn cấp vào Xí nghiệp nên Xí nghiệp chủ động điều tiết nguồn cấp nước, giá thành thấp đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

❖ Khó khăn

- Nguồn cấp nước từ Gia Lâm về không ổn định theo mùa, mùa đông thì thừa nước và mùa hè thì thiếu nước.



- Hệ thống mạng lưới cấp nước tuy đã được cải tạo qua nhiều giai đoạn song vẫn chưa đồng bộ và còn một số khu vực chưa phù hợp như hai phường ngoài đô có độ chênh lệch cốt cao là những yếu tố khó khăn trong việc vận hành mạng lưới cấp nước.
- Một số khu vực vẫn còn ống thép tráng kẽm chưa được cải tạo đồng bộ như Ô 22B (Phường Hàng Bài, Hàng Bạc, Đồng Xuân), 23A (Phường Hàng Bông, Trần Hưng Đạo, Hàng Bài) còn 12.999 m ống thép tráng kẽm chưa được cải tạo.
- Là quận trung tâm phố cổ nên công tác thay thế nâng cấp mạng đường ống nước, thay thế đồng hồ, di chuyển đồng hồ còn gặp nhiều khó khăn do việc cấp phép đào hè.
- Khó phát triển mạnh khách hàng do dân cư phố cổ đã ổn định. Bên cạnh đó thành phố Hà Nội đã có kế hoạch giãn dân phố, từ nay đến năm 2020, trung bình mỗi năm có 1.100 hộ dân tương ứng với 4.400 dân di dời sẽ làm giảm số lượng khách hàng của Xí nghiệp.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Xí nghiệp hiện đang được giao nhiệm vụ cung cấp nước sạch cho 18 phường của Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, trong địa bàn này, chỉ duy nhất có Xí nghiệp hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch.

➤ Điểm mạnh

- Ban lãnh đạo Xí nghiệp, cán bộ công nhân viên đoàn kết, nhất trí và cố gắng cao trong sản xuất kinh doanh.
- Xí nghiệp tự sản xuất được khoảng 18% nước cấp từ trạm sản xuất nước Đồn Thủy với công suất 8.500 – 9.000 m³ ngày/đêm, chi phí sản xuất nước thấp, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.
- Địa bàn Quận Hoàn Kiếm có nhiều lợi thế, nhỏ, gọn, khách hàng tập trung dễ quản lý. Đây là quận có hoạt động dịch vụ thương mại, du lịch sầm uất, là trung tâm của thủ đô với nhiều nhà hàng, khách sạn, và các khách hàng có nhu cầu sử dụng lớn như bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Phụ sản Trung ương... Nhu cầu dùng nước nhiều, đơn giá nước cao.

➤ Các hạn chế tồn tại

- Hệ thống mạng cấp nước của Xí nghiệp đã được xây dựng rất lâu, từ những năm 1998, chấp vá không đồng bộ nên cần phải cải tạo, sửa chữa nhiều. Trong những năm gần đây Xí nghiệp đã đầu tư cải tạo lại hệ thống đường ống cấp nước, tuy nhiên vẫn còn 7.300 m³ ống thép tráng kẽm cũ chưa được cải tạo.
- Mạng lưới cấp nước một số khu vực ngoài đô chưa phù hợp dẫn đến vận hành cho khu vực ngoài đô do cốt địa hình chênh quá cao nên chưa đáp ứng được nhu cầu một số khách hàng.



- Khó phát triển mạnh khách hàng do dân cư phố cổ đã ổn định. Bên cạnh đó thành phố Hà Nội đã có kế hoạch giãn dân phố, từ nay đến năm 2020, trung bình mỗi năm có 1.100 hộ dân tương ứng với 4.400 dân di dời sẽ làm giảm số lượng khách hàng của Xí nghiệp.
- Công tác thay thế đồng hồ ABC, di chuyển đồng hồ còn gặp nhiều bất lợi về việc cấp phép đào hè phố cổ khó khăn.
- Hệ thống quản lý đồng hồ tổng cũ, lỗi thời. Hệ thống đồng hồ tổng tuy được sửa chữa, bảo dưỡng nhưng vẫn còn một số đồng hồ hỏng đột xuất dẫn đến việc tính toán và giao tỷ lệ nước thu được tiền cho các đội quản lý khách hàng chưa chính xác.
- Một số khu vực khách hàng còn chưa được cải tạo như Ô 22B, Ô 23A và Ô 23B (Phường Phan Chu Trinh, Trần Hưng Đạo, Hàng Bài, Tràng Tiền) (các khách hàng trong ngõ vẫn sử dụng ống thép tráng kẽm)
- Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình thay ống bằng nguồn vốn khấu hao cơ bản còn chậm, chưa đúng tiến độ.
- Các công trình ngầm của các đơn vị khác thi công gây rò rỉ, ảnh hưởng đến hệ thống mạng cấp nước của Xí nghiệp.
- Công tác nợ tồn tiền nước và khách hàng không phát sinh tuy đã giảm so với năm 2012 nhưng vẫn còn cao.
- Bên cạnh đó vẫn còn một số CBCNV chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

- Nước sạch là mặt hàng thiết yếu cuộc sống, do vậy, Chính phủ luôn trú trọng đến công tác đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt đầy đủ với chất lượng nước đúng theo tiêu chuẩn đã quy định.
- Theo Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/03/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chính phủ đặt mục tiêu quy hoạch cấp nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội với một số nội dung chủ yếu:
 - + Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, đảm bảo an toàn cấp nước. Từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước sạch.
 - + Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đến năm 2020 đối với đô thị trung tâm nội đô đạt 100% (một số khu vực phát triển mới thành lập từ huyện tỷ lệ đạt 95 - 100%); đối với các đô thị vệ tinh đạt 90 - 95%; đối với đô thị sinh thái đạt 85 - 90%. Giai đoạn đến năm 2030, đối với các đô thị trung tâm là 100%; đối với các đô thị vệ tinh đạt 100% và đối với đô thị sinh thái đạt 95 - 100%.
 - + Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2020 đạt 20%; đến năm 2030 đạt dưới 20%.



Bảng 10: Dự báo nhu cầu sử dụng nước

TT	Nhu cầu	Nhu cầu dùng nước trung bình (m ³ /ngày đêm)			Nhu cầu dùng nước max (m ³ /ngày đêm)		
		Năm 2020	Năm 2030	Năm 2050	Năm 2020	Năm 2030	Năm 2050
1	Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt	738.000	1.126.000	1.533.000	908.000	1.393.000	1.897.000
2	Nhu cầu sử dụng nước công nghiệp	82.000	129.000	129.000	82.000	129.000	129.000
3	Nhu cầu sử dụng nước các loại hình dịch vụ khác	223.000	349.000	495.000	272.000	427.000	606.000
4	Nước thất thoát	244.000	335.000	419.000	298.000	410.000	513.000
Tổng		1.287.000	1.939.000	2.576.000	1.560.000	2.359.000	3.145.000

(Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội)

Như vậy, ngành nước trong tương lai còn rất nhiều tiềm năng để phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động trong Công ty

Tính đến ngày 31/12/2015, toàn Công ty có 109 lao động, với cơ cấu như sau:

Bảng 11 : Cơ cấu lao động của công ty tại ngày 31/12/2015

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	- Trên đại học	0	0%
2	- Đại học	36	33%
3	- Trung cấp + Cao đẳng	5	5%
4	- Nghề	68	62%
5	- Lao động phổ thông	0	0%
Tổng số		109	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội)



9.2 Chế độ làm việc, chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

✓ **Chế độ làm việc:**

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày: 5,5 ngày/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
- Được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc 1 cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn và bảo hộ lao động.

✓ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**

- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn vào làm việc cho công ty. Tùy từng vị trí cụ thể, công ty có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng nhằm đáp ứng tốt nhất nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của công ty.
- Công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Công ty. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV của Công ty tự giác học tập, nâng cao tay nghề, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề.

9.3 Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

- CBCNV trong Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBCNV,....từ đó tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình của người lao động cho sự phát triển của Công ty.
- Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

Bảng 12: Mức lương bình quân của người lao động qua các năm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng Năm 2016
1	Tổng Quỹ lương	12.712.687.947	14.770.831.693	12.300.479.768	8.378.032.623
2	Số lao động	125	122	116	112
3	Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	6.164.190	8.176.740	7.783.462	10.492.237

Nguồn: Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội



10. Chính sách cổ tức

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.
- Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/09/2015, do đó năm 2015 Công ty mới chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần được 04 tháng. Ngày 17/05/2016 Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội đã ban hành Nghị Quyết số: 05/NQ2016-HĐQT-NS3 về việc thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015, theo đó cổ tức năm 2015 được chi trả như sau:
 - + Tỷ lệ thanh toán cổ tức giai đoạn 01/09/2015 – 31/12/2015: 3%
 - + Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

a. Tình hình khấu hao tài sản cố định

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản do đơn vị tự xác định và phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

c. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đầy đủ và nghiêm túc các khoản thuế theo quy định của Nhà nước. Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty như sau:

Bảng 12: Số dư thuế và các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/08/2015	31/12/2015	31/03/2016
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.008.431.866	1.199.138.379
2	Thuế thu nhập cá nhân	3.900.244	34.424.942	45.197.539



3	Thuế tài nguyên	-	43.661.700	45.910.800
4	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.244.098.031	1.119.818.642
Tổng cộng		3.900.244	2.330.616.539	2.410.065.360

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)

d. Tổng dư nợ vay và nợ thuê tài chính

Số dư nợ vay và nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội tại thời điểm 31/08/2015; 31/12/2015 và 31/03/2016 như sau.

Bảng 13: Tình hình dư nợ vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/08/2015	31/12/2015	31/03/2016
1	Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn (*)	-	294.066.660	73.516.665
2	Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn (*)	-	588.133.340	735.166.670
Tổng cộng		-	882.200.000	808.683.335

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)

(*) Bao gồm: Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng số 102.15.18/CTTC ngày 24/12/2015 thời hạn là 3 năm, lãi suất vay dài hạn là 9,2% để thuê tài chính xe Ô tô Nissan NP 300 Navarav1 (5 chỗ ngồi) phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

e. Tình hình công nợ

Bảng 14: Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/08/2015	31/12/2015	31/03/2016
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	23.744.453.428	1.619.814.089	2.139.645.500
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	535.367.303	439.115.638	487.791.282
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.000.000	-	1.175.660.500
3	Phải thu ngắn hạn khác	23.207.086.125	1.180.698.451	476.193.718
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		23.744.453.428	1.619.814.089	2.139.645.500

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)



Bảng 15: Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/08/2015	31/12/2015	31/03/2016
I	Nợ ngắn hạn	26.047.886.610	22.410.583.373	12.321.679.708
1	Phải trả người bán	106.586.400	15.818.428.444	7.502.364.860
2	Người mua trả tiền trước	425.806.592	297.265.094	415.842.282
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.900.244	2.330.616.539	2.410.065.360
4	Phải trả người lao động	1.122.171.652	2.905.783.894	1.717.579.195
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	59.350.984	168.226.274	8.611.987
6	Phải trả ngắn hạn khác	24.330.070.738	596.196.468	162.999.359
7	Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	294.066.660	73.516.665
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	30.700.000
II	Nợ dài hạn	0	8.226.355.007	8.373.388.337
1	Phải trả dài hạn khác	0	7.638.221.667	7.638.221.667
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	588.133.340	735.166.670
Tổng cộng		26.047.886.610	30.636.938.380	20.695.068.045

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xí nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)

Bảng 16: Chi tiết Số dư Khoản Phải trả người bán của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Khoản Mục	31/08/2015		31/12/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
1	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	-	-	13.921.912.443	13.921.912.443
2	Công ty CP CN Tàu Thủy	-	-	1.004.828.842	1.004.828.842
3	Điện lực Hoàn Kiếm	106.586.400	106.586.400	67.918.600	67.918.600
4	Đối tượng khác	-	-	823.768.559	823.768.559
Tổng		106.586.400	106.586.400	15.818.428.444	15.818.428.444

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xí nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội)

Bảng 17: Chi tiết Số dư Khoản Phải trả khác của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Khoản Mục	31/08/2015	31/12/2015
I	Phải trả ngắn hạn khác	24.330.070.738	596.196.468



1	8% phí thoát nước để lại	98.826.856	111.522.395
2	Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.231.243.882	484.674.073
II	Phải trả dài hạn khác	-	7.638.221.667
1	Các khoản phải trả, phải nộp khác với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	-	7.638.221.667
Tổng		24.330.070.738	8.234.418.135

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội)

f. Trích lập các quỹ theo luật định

Tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty đồng thời phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật

Bảng 18: Các quỹ theo luật định

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/08/2015	31/12/2015	31/03/2016
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	30.700.000
Tổng cộng		-	-	30.700.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và Báo cáo Quý I năm 2016 của Công ty tự lập)

g. Các khoản đầu tư tài chính:

Không có

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Khoản mục	Đơn vị	Năm 2014	Giai đoạn từ 1/1/2015-31/8/2015	Giai đoạn từ 01/9/2015-31/12/2015
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,58	1,08	1,30
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,50	0,98	1,15
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,19	0,29	0,34
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,24	0,41	0,52
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	46,33	29,27	8,97



2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,85	0,97	0,46
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,17%	3,93%	26,38%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	34,22%	5,02%	17,94%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	26,18%	3,82%	12,26%
4	Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,17%	5,03%	26,38%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xí nghiệp nước Hoàn Kiếm; BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội)

12. Tài sản

12.1 Tình hình Tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2015

Bảng 20: Tình hình Tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2015

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	149.988.720.286	52.001.321.325	34,67%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	24.656.846.698	15.555.891.536	63,09%
2	Máy móc, thiết bị	4.360.465.841	1.309.790.585	30,04%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	120.377.755.247	34.928.323.495	29,02%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	582.652.500	207.315.709	35,58%
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng		149.988.720.286	52.001.321.325	34,67%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội)

12.2 Tài sản thuê tài chính của Công ty

Bảng 21: Tình hình Tài sản thuê tài chính của Công ty tại 31/12/2015

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	803.563.636	802.483.577	99,87%
Tổng cộng	803.563.636	802.483.577	99,87%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội)

**12.3 Tình hình sử dụng đất đai**

Tính đến thời điểm hiện nay, Xí nghiệp đang quản lý, sử dụng và thực hiện khai thác 5 khu đất và địa điểm đất với hiện trạng cụ thể:

Bảng 22: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

STT	Địa chỉ	Diện tích		Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
		Đơn vị	Diện tích			
1	Số 8C Phố Đinh Công Tráng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	m2	2.682	Làm văn phòng xí nghiệp và trạm sản xuất nước sạch	Giao đất không thu tiền sử dụng đất để cấp nước sạch	Không thời hạn
2	Số 02 Phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	m2	15,8	Làm giếng để khai thác nguồn nước thô	Giao đất không thu tiền sử dụng đất để cấp nước sạch	Không thời hạn theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 19/04/2004
3	Vườn hoa Tăng Bạt Hổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	m2	3,15	Làm giếng để khai thác nguồn nước thô	Giao đất không thu tiền sử dụng đất để cấp nước sạch	Không thời hạn
4	Số 8 Phố Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	m2	49,5	Làm trạm bơm tăng áp để cấp nước cho dân	Giao đất không thu tiền sử dụng đất để cấp nước sạch	Không thời hạn
5	Số 23 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	m2	29,6	Làm trạm bơm tăng áp để cấp nước cho dân	Đất sử dụng chung của khu tập thể	
Tổng cộng		m2	2.780,05			

(Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng quỹ đất CTCP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội)

Theo Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 15/07/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước đối với các cơ sở nhà đất của Xí nghiệp xây lắp và Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm thuộc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà nội theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 5303/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 về việc sửa đổi bổ sung khoản 2 điều 1 Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 15/07/2014 của UBND Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định giao Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm tiếp tục quản lý sử dụng theo hiện trạng đối với các khu đất và công trình trên đất tại:

- 1) Văn phòng Xí nghiệp: Số 8C Phố Đinh Công Tráng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;



- 2) **Giếng H8 Đồn Thủy:** Số 02 Phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- 3) **Giếng H9 Đồn Thủy:** Vườn hoa Tăng Bạt Hổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- 4) **Trạm Trần Quốc Toản 1 + 2:** Số 8 Phố Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- 5) **Đối với Trạm bơm 23 Bà Triệu:** Giao xí nghiệp quản lý, sử dụng tài sản trên đất phục vụ cấp nước cho khu tập thể 23 Bà Triệu, phần diện tích đất 29,6m² đất sử dụng chung cho khu tập thể số 23 Bà Triệu.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

13.1 Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận của Công ty

Bảng 23: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận của Công ty năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị (tính giá trị)	Năm 2015 (*) (Thực hiện)	Năm 2016		Năm 2017 (**)	
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với 2015 (*)	Giá trị	% tăng giảm so với 2016
Vốn điều lệ thực góp	Triệu đồng	55.000	55.000	-	55.000	-
Doanh thu thuần	Triệu đồng	132.655,7	162.900	22,80%	161.783	(0,69%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.546,1	12.480	(14,20%)	9.832	(21,22%)
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,97%	7,66%	-	6,08%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	26,47%	22,69%	-	17,88%	-
Cổ tức	%	3%	11%	-	12%	-

(Nguồn: Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2016 của CTCP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội và Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm)

(*) Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức CTCP từ 01/09/2015, Số liệu năm 2015 là tổng hợp kết quả của 2 giai đoạn: Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 31/08/2015 (giai đoạn trước khi chuyển thành CTCP) và Giai đoạn từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 (giai đoạn hoạt động dưới hình thức CTCP)

(**) Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017 được lấy từ Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm. ĐHĐCĐ thường niên của Công ty sẽ thông qua kế hoạch kinh doanh cho từng năm hoạt động, do đó số liệu này có thể được điều chỉnh tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty.

13.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

❖ Công tác quản lý vốn, tài sản:

- Quản lý tốt tài sản hiện có, khai thác tối đa công suất và sử dụng có hiệu quả tài sản của Công ty.
- Tích cực kiểm tra thường xuyên, định kỳ nhằm bảo trì, bảo dưỡng, cải tạo tài sản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.



- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

❖ **Công tác tổ chức:**

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp nhân lực phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc đáp ứng quy trình đổi mới doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác kỷ luật lao động trong toàn Công ty.
- Tiếp tục nâng cao hơn, chặt chẽ hơn năng lực quản lý cán bộ Lãnh đạo và tiếp tục đào tạo cán bộ trẻ nhằm đáp ứng được nhiệm vụ công việc.
- Thực hiện các chế độ chính sách bảo hiểm kịp thời cho người lao động.
- Xử lý nghiêm các nhân viên vi phạm nội quy và quy chế lao động của Công ty.
- Thực hiện Bộ luật lao động, thỏa ước lao động, nội quy lao động của Nhà nước và Công ty ban hành.
- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng năng suất lao động và giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập của người lao động.

❖ **Công tác chống thất thu thất thoát:**

- Nâng cao công tác quản lý kỹ thuật, quản lý đồng hồ đo đếm của khách hàng, đẩy nhanh công tác thay thế đồng hồ A,B,C thay thế đồng hồ định kỳ, di chuyển đồng hồ về đúng vị trí quy định không để tình trạng tạm tính trên 2 tháng.
- Tăng cường công tác giám sát chất lượng công trình cải tạo, sửa chữa và thi công... để đạt hiệu quả cao nhất.
- Cải tạo mạng lưới cấp nước, thử áp lực ống dịch vụ để phát hiện các điểm xì, vỡ,

❖ **Công tác sản xuất:**

- Tiếp tục duy trì sản xuất cấp nước ổn định, chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các khách hàng trên địa bàn.
- Khai thác và phát huy tối đa công suất của Trạm sản xuất Đồn Thủy nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Tuyệt đối tuân thủ chất lượng nước theo tiêu chuẩn về thành phần lý, hóa. Căn cứ: “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01/2009/TT - BYT được Bộ trưởng bộ y tế ban hành theo thông tư 04/2009/TT - BYT ngày 17/6/2009”
- Đảm bảo an toàn về lao động và vệ sinh môi trường.
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì các máy móc.

❖ **Công tác quản lý mạng lưới:**

- Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đồng hồ tách mạng, đảm bảo độ chính xác, tách khách hàng theo ô, nắm rõ lượng nước cấp cho từng ô, theo dõi lượng nước thất thoát thất thu. Tiến tới giao khoán quản lý từng Ô, đội, khu vực.



- Kết hợp với việc triển khai dự án chống thất thu thất thoát tại khu vực đề kê nâng, khôi phục các van bị lắp trên hệ thống để phục vụ công tác vận hành mạng lưới cấp nước.
- Nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước cho khách hàng.
- Chủ động điều hành mạng lưới trên toàn địa bàn Công ty.
- Chủ động tính toán nghiên cứu áp lực trên mạng lưới để đề xuất áp lực đầu nguồn.
- Kiểm soát áp lực trên mạng lưới phân phối để điều tiết vận hành mạng lưới cho phù hợp với nhu cầu sử dụng nước của khách hàng nhằm giảm tỷ lệ rò rỉ ở mức độ thấp nhất.
- Phát hiện, sửa chữa kịp thời các điểm xì vỡ, xây dựng biện pháp chống thất thoát và giao kế hoạch tỷ lệ nước thu được tiền cho từng ô.

❖ **Công tác kinh doanh:**

- Nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh chống thất thu thất thoát, hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.
- Nâng cao ý thức nhân viên ghi thu, ghi đúng, thu đủ đảm bảo đúng quy định của nhân viên ghi thu.
- Nâng cao tính chủ động tới từng nhân viên ghi thu.
- Quán triệt đến từng nhân viên ghi đọc đồng hồ về vai trò và trách nhiệm trong công việc. Kiểm tra, kiểm soát khách hàng không phát sinh.
- Giải quyết và xử lý triệt để công tác nợ tồn theo quy định.
- Xây dựng ý thức trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên, mỗi công nhân viên phải như một nhân viên thanh kiểm tra.

❖ **Công tác Thanh kiểm tra:**

- Tăng cường công tác quản lý, áp giá khách hàng sử dụng nước với nhiều mục đích chống thất thu tiền nước, tiến hành rà soát lại công tác quản lý khách hàng.
- Kiểm tra các khách hàng xây dựng, khách hàng kinh doanh, dịch vụ theo phố, ô, khu vực.
- Tăng cường công tác thu nợ tồn và kiểm tra khách hàng không phát sinh.
- Nâng cao trách nhiệm trong công tác thanh kiểm tra, áp giá các khách hàng sử dụng nước sai mục đích.
- Chủ động, đột xuất kiểm tra công tác ghi đọc của nhân viên ghi thu theo khối số đọc, nếu phát hiện nhân viên thực hiện sai quy định đề xuất, báo cáo Công ty có hình thức kỷ luật.

❖ **Công tác tài chính và đầu tư:**

➤ **Công tác đầu tư**

- Đầu tư nâng các dự án chống thất thoát nước, tìm kiếm vị trí để khoan mới các giếng nước để đảm bảo nguồn nước thô cho sản xuất nước, nâng công suất sản xuất nước để góp phần giảm nguồn mua nước Công ty Mẹ, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận cho Công ty.

➤ **Công tác tài chính**



- Cơ cấu nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư. Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, bảo toàn và phát triển vốn.
- Lập kế hoạch tài chính hàng quý, hàng năm để chủ động trong điều tiết, huy động nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
- Tạo mối quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng, khai thác và huy động vốn từ các tổ chức tín dụng; các cổ đông chiến lược, đối tác chiến lược, khách hàng, các nhà cung cấp...và huy động từ những nguồn nhân rồi hợp pháp khác bảo đảm cân đối kịp thời, đủ vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển từng thời kỳ.
- Đẩy mạnh công tác ghi thu tiền nước nhằm tránh nợ đọng, nợ khó thu hồi.
- Tiếp tục xác định con người là nhân tố chính tạo nên sự thành công. Công ty sau cổ phần hóa tiếp tục thực hiện điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại theo hướng chuyên môn hoá, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và mô hình quản lý của Công ty cổ phần.
- Lập quy hoạch về nhân sự, cán bộ nguồn để có định hướng đào tạo kỹ năng quản lý nhằm bổ sung nhân sự cấp cao cho Công ty.

❖ **Công tác tổ chức đào tạo:**

- Xây dựng nhiệm vụ trọng tâm về tổ chức đào tạo, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, đưa cán bộ công nhân viên đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ, đào tạo nghiệp vụ mới, kỹ thuật mới, vận hành trang thiết bị mới nhằm mục tiêu để cán bộ CNV của Công ty cổ phần chuyên sâu về nghiệp vụ, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị máy móc.
- Đưa cán bộ nhân viên đi đào tạo, tập huấn để học tập và nâng cao trình độ trong công tác thiết kế kỹ thuật, quản lý dự án, công tác chống thất thu thất thoát.
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức và xây dựng nguồn nhân lực trẻ khoẻ, có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình và năng động với công việc. Tiếp tục chọn lựa cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực để bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn CBCNV tạo nguồn cán bộ kế cận.

❖ **Công tác Đảng, đoàn trong Công ty:**

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.
- Dưới sự lãnh đạo của cấp Ủy, Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Xây dựng đảng và các tổ chức chính trị phát triển vững mạnh.
- Các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.



- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công ty cổ phần.
- Công tác chăm lo đời sống vật chất & tinh thần người lao động
- Thực hiện tốt công tác phân phối sử dụng quỹ tiền lương và quản lý tài chính đảm bảo các nguyên tắc quản lý tài chính của Công ty.
- Chủ động khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh, tinh giản nhân lực để tăng thu nhập cho người lao động.
- Tuyên truyền phổ biến và thực hiện tốt các chế độ chính sách mới của nhà nước và Công ty ban hành, trước hết là các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.
- Tiếp tục duy trì và tổ chức các hoạt động tập thể như: Thăm hỏi, động viên các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức các đợt tham quan học tập, nghỉ mát, giao lưu để trao đổi kinh nghiệm về quản lý sản xuất.
- Thực hiện tốt việc khuyến khích, động viên các hoạt động thể thao giữa các đơn vị trong và ngoài Công ty
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

❖ **Công tác khác:**

- Công tác phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thi công chính trang hè đường để tiến hành đồng thời sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước.
- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân Quận và 18 phường trong địa bàn trong việc quản lý hệ thống cấp nước.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký đăng ký giao dịch
Không có.

15. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh

- Công ty Cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội định hướng duy trì và phát triển mảng hoạt động kinh doanh truyền thống:
 - + Hoạt động kinh doanh nước;
 - + Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác.
- Dưới những tác động của nhân tố khách quan, bộ máy quản lý của Công ty chỉ đạo điều hành cán bộ Công nhân viên nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu năm 2016 đã đặt ra.
- Trong thời gian tới, Công ty thực hiện chiến lược kinh doanh tổng hòa các mối quan hệ giữa yếu tố con người và năng lực tài chính:
 - + Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách: Việc nâng cao năng lực của các cán bộ chuyên môn cần được đưa lên hàng đầu. Trong thời gian tới, cần chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức tối thiểu về kinh tế, về



kế hoạch cho tất cả các cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong công ty.

- + Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ vay, phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:

Trong tháng 4/2016, các báo điện tử: Kinh tế nông thôn, Giáo dục Việt Nam và báo Kinh doanh và Pháp luật đã đăng các tin tức về việc xây dựng trái phép văn phòng làm việc Công ty cổ phần SXKD nước sạch số 3 Hà Nội.

Giải thích về vấn đề trên, Ban Lãnh đạo Công ty cho biết:

“ Công ty cổ phần SXKD nước sạch số 3 Hà Nội chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/09/2015 nên nhu cầu về văn phòng và chỗ làm việc cho CBCNV của Công ty đòi hỏi cấp bách.

- Ngày 05/12/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thống nhất thông qua chủ trương cải tạo và nâng cấp trụ sở công ty và được thể chế hóa bằng Nghị quyết số 185/NS3-HĐQT, trong đó có việc: Cải tạo, sửa chữa tầng 1, tầng 2, xây mới thêm 1 tầng (tầng 3) dãy nhà B để mở rộng văn phòng làm việc cho công ty.
- Thực hiện Nghị quyết trên, chủ tịch HĐQT và ban điều hành công ty đã triển khai các thủ tục xây dựng cơ bản, chọn tư vấn thiết kế và nhà thầu xây dựng. Do nhu cầu giải quyết chỗ làm việc cho CBCNV là bức xúc nên Công ty đã vừa cải tạo tầng 1 và 2 (phần này cải tạo nhỏ nên theo quy định không cần xin phép xây dựng), vừa tiến hành thủ tục xin phép xây mới tầng 3.
- Ngày 16/12/2015, UBND phường Phan Chu Trinh đã ra quyết định số 205/QĐ-CT đình chỉ thi công công trình chưa có phép. Sau khi nhận được thông tin đình chỉ của UBND phường Phan chu Trinh, Công ty đã yêu cầu nhà thầu thi công dừng thi công ngay, đồng thời giao cho Phó Giám đốc Công ty hoàn tất các hồ sơ, thủ tục tài liệu còn thiếu để nộp UBND quận Hoàn Kiếm xin phép xây dựng. Theo yêu cầu của UBND quận, hồ sơ yêu cầu cần phải thuê tư vấn kiểm tra lại thiết kế, kết cấu công trình, thẩm định ... để khẳng định độ an toàn của công trình khi cấp giấy phép cho phép xây dựng tầng 3 nên thời gian lập hồ sơ bị kéo dài.
- Ngày 28/04/2016, Công ty đã hoàn tất hồ sơ để nộp vào bộ phận một cửa của UBND quận Hoàn Kiếm.
- Ngày 30/05/2016, UBND quận Hoàn Kiếm đã có quyết định số 658/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với Công ty cổ phần SXKD nước sạch số 3 Hà Nội.
- Ngày 02/06/2016, UBND quận Hoàn Kiếm đã cấp Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình số 115/GPCT cho Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội.
- Công tác sửa chữa và xây dựng đã hoàn tất và đưa vào sử dụng từ tháng 8/2016.”



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 03 thành viên

1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trịnh Kim Giang	Chủ tịch HĐQT Công ty	Điều hành
2	Ông Nguyễn Đình Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	Điều hành
3	Ông Đỗ Phương Nam	Thành viên HĐQT	Không điều hành

1.2 Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

1.2.1 Ông Trịnh Kim Giang - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trịnh Kim Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/07/1958
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 4 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- CMND số 011395217 Ngày cấp 17/04/2006 Nơi cấp: Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 3933 3992
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ môi trường
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức Đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Công ty Nước sạch Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2/1981-11/1982	Nhập ngũ Trung úy trưởng Sĩ quan lục quân 3
6/1983-> nay	Công ty Nước sạch Hà Nội



Các chức vụ đã và đang đảm nhiệm:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
01/06/1983-01/04/1988	Phòng Kỹ thuật Công ty Nước sạch Hà Nội	Nhân viên kỹ thuật
01/04/1988-15/02/1994	Nhà máy nước Mai Dịch, Pháp Vân – Công ty Nước sạch Hà Nội	Giám đốc nhà máy nước
15/02/1994-01/01/1996	Phòng Kế hoạch đầu tư – Công ty Nước sạch Hà Nội	Trưởng phòng
01/01/1996-01/07/2005	Ban quản lý dự án – Công ty Nước sạch Hà Nội	Giám đốc Ban quản lý
01/07/2005 - > nay	Ban điều hành Công ty Nước sạch Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
01/09/2015 -> nay	Công ty CP SXKD nước sạch số 3 Hà Nội	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 1.458.609 cổ phần, chiếm 26,52% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,91% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu phần vốn của Công ty Nước sạch số 3 Hà Nội : 1.408.609 cổ phần, chiếm 25,61 % vốn điều lệ.

15. Tỷ lệ sở hữu của những người có liên quan gồm:

STT	Họ tên	Số CMT	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
1	Trần Thị Thanh Hà	011030404	Vợ	95.000	1,72%
2	Trịnh Thị Minh Ngọc	012244454	Con đẻ	50.000	0,91%
3	Trịnh Vân Khanh	001187005167	Con đẻ	40.000	0,73%
Tổng				185.000	3,36%

16. Các khoản nợ đối với tổ chức Đăng ký giao dịch: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao Chủ tịch HĐQT

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức Đăng ký giao dịch: Không có

1.2.2 Ông Nguyễn Đình Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: Nguyễn Đình Tiến



2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 17/02/1960
4. Nơi sinh: Hà Đông
5. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: Số 2, ngách 119/63 đường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội
7. Số CMND: 001060006218 Ngày cấp: 13/11/2015 Nơi cấp: Hà Nội
8. Số điện thoại: 0913220186
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức Đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/1983-03/1989	Công ty Xây dựng công trình ngầm – Tổng Công ty thủy điện Sông Đà	
04/1989-12/1995	Công ty xây dựng cấp thoát nước Hà nội	
04/01/1996-31/08/1997	Xí nghiệp Xây lắp	
01/09/1997-09/05/1998	Xí nghiệp Xây lắp	Đội trưởng Đội Xây lắp
10/05/1998-30/09/1999	XN tư vấn khảo sát thiết kế - Công ty Nước sạch Hà Nội	Phó Giám đốc
01/10/1999-07/2000	XN tư vấn khảo sát thiết kế - Công ty Nước sạch Hà Nội	Quyền Giám đốc XN
19/07/2000-30/06/2008	XN tư vấn khảo sát thiết kế - Công ty Nước sạch Hà Nội	Giám đốc xí nghiệp
01/07/2008-09/11/2012	Xí nghiệp Xây lắp – Công ty Nước sạch Hà Nội	Giám đốc xí nghiệp
10/11/2012-31/08/2015	Xí nghiệp KDNS Hoàn Kiếm – Công ty Nước sạch Hà Nội	Giám đốc xí nghiệp
01/09/2016 -> nay	Công ty CP SXKD nước sạch số 3 Hà Nội	Thành viên HĐQT Kiêm Giám đốc công ty

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không
14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 1.472.657 cổ phần, chiếm 26,77% vốn điều lệ.

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 97.600 cổ phần, chiếm 1,77 % vốn điều lệ

Đại diện sở hữu phần vốn của Công ty Nước sạch số 3 Hà Nội: 1.375.057 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ



15. Tỷ lệ sở hữu của những người có liên quan gồm:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT/ Hộ chiếu	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
1	Nguyễn Kim Lan	Vợ	001162000291	10.000	0,18 %
2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Con gái	B6292481	60.000	1,09 %
3	Nguyễn Thị Thanh Lương	Em gái	010386279	20.000	0,36 %
Tổng				90.000	1,63 %

16. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

1.2.3 Ông Đỗ Phương Nam - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Đỗ Phương Nam
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 31/10/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 10 C4 – tập thể Viện Khoa học xã hội, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội
- Số CMND: 011938392 Ngày cấp: 23/11/2011 Nơi cấp: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-9/2003	Ban Quản lý dự án – Công ty KDNS Hà Nội	Nhân viên
09/2003-12/2007	Phòng Tài chính kế toán – Công ty KDNS Hà Nội	Phó phòng
12/2007 đến nay	Phòng Tài chính kế toán – Công ty KDNS Hà Nội	Trưởng Phòng TCKT - Kế toán trưởng
01/09/2015 đến nay	Công ty CP SXKD nước sạch số 3 Hà Nội	Thành viên HĐQT



12. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
13. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 835.034 cổ phần, chiếm 15,18 % vốn điều lệ
 Trong đó:
Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0.18% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu phần vốn của Công ty Nước sạch số 3 Hà Nội : 825.034 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ
14. Tỷ lệ sở hữu của những người có liên quan gồm:

STT	Họ tên	Số CMT	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
1	Tạ Thị Thu Hương	012236582	VỢ	20.000	0,36%
Tổng				20.000	0,36%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên

2.1 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
2	Đặng Thu Hải	Thành viên Ban kiểm soát
3	Đào Thanh Thủy	Thành viên Ban kiểm soát

2.2 Tóm tắt sơ yếu lý lịch của từng thành viên Ban kiểm soát

2.2.1 Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hiền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/09/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 32 ngách 24/55 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, Hà Nội





7. Số CMND: 011887037 Ngày cấp: 09/12/2005 Nơi cấp: Hà Nội
8. Điện thoại: 0916868917
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003- 2010	Ban thanh tra XNKDNS Hoàn kiếm	Nhân viên
2011-31/5/2015	Phòng tài chính kế toán	Nhân viên
2015- 31/8/2015	Phòng Hành chính XNKDNS HK	Nhân viên
01/9/2015 → nay	Ban kiểm soát Cty CP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội	Trưởng ban

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 3.100 cổ phần, chiếm 0,056 % vốn điều lệ
Trong đó:
Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần, chiếm 0,056% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
15. Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Không có
16. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

2.2.2 Bà Đặng Thu Hải - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Đặng Thu Hải
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 17/08/1974
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 18 ngách 100/26 Ngõ chợ Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội
7. Số CMND: 011638054 Ngày cấp: 25/10/2012 Nơi cấp: Hà Nội
8. Điện thoại: Nhà riêng 04.5110506 ; Di động 0904090874
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty Nước sạch Hà Nội, Kiểm soát viên Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1996-9/2007	Xí nghiệp KDNS Hai Bà Trưng thuộc Công ty KDNS Hà Nội	Nhân viên
10/2007-8/2009	Văn phòng Công đoàn Công ty Nước sạch Hà Nội	Nhân viên
9/2009-5/2010	Phòng Kinh doanh Công ty Nước sạch Hà Nội	Nhân viên
6/2010-02/2011	Xí nghiệp Nước tinh khiết - Công ty Nước sạch Hà Nội	Trưởng phòng TCKT
3/2011-6/2015	Ban kiểm soát Công ty Nước sạch Hà Nội	Thành viên Ban kiểm soát
7/2015- nay	Ban kiểm soát Công ty Nước sạch Hà Nội Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội	Thành viên Ban kiểm soát
9/2015-nay	Ban kiểm soát Công ty Nước sạch Hà Nội Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nước sạch số 3 Hà Nội	Thành viên Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
15. Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Không có
16. Các khoản nợ đối với công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao thành viên Ban kiểm soát
18. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

2.2.3 Bà Đào Thanh Thủy - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Đào Thanh Thủy
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 25/09/1959
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: P1602 – 25A Ngách 379/8 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
7. Số CMND: 010451037 Ngày cấp: 12/05/2004 Nơi cấp: Hà Nội



8. Điện thoại liên hệ: 091 901 3701
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát
11. Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác và các chức vụ đảm nhiệm:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1984-9/1992	Tổng công ty XNK Hàng Dệt	Kế Toán
10/1992- 12/2000	Tổng công ty Dệt May Việt Nam	Kế Toán
01/2001-6/2007	Công ty Sản Xuất XNK Dệt May	Chuyên viên chính
7/2007-12/2008	Công ty CP Xây Dựng Nền Móng Công Trình	Kế Toán
9/2015 – nay	Công ty CP SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội	Thành viên BKS

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao Thành viên BKS
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty:

Ban Giám đốc Công ty gồm có 03 thành viên

3.1 Danh sách thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đình Tiến	Giám đốc
2	Phạm Việt Anh	Phó Giám đốc
3	Đỗ Thị Thanh Thủy	Phó Giám đốc
4	Vũ Thúy Hà	Kế toán trưởng

3.2 Tóm tắt sơ yếu lý lịch của từng thành viên Ban kiểm soát

3.2.1 Ông Nguyễn Đình Tiến - Giám đốc (Như mục 1 Cơ cấu, thành phần Hội đồng quản trị)

3.2.2 Ông Phạm Việt Anh - Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Phạm Việt Anh
2. Giới tính: Nam



3. Ngày sinh: 28/01/1973
4. Nơi sinh: Hà Nội.
5. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: Số 18 ngách 107 ngõ Văn Hương, phường Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội.
7. Số CMND: 011609255 Ngày cấp: 03/11/2005 Nơi cấp: Hà Nội
8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng 04 38569202 ; Di động: 0945376568
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó giám đốc Công ty
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/2000 – 06/2006	Phòng Kỹ thuật Công ty KDNS Hà Nội	Nhân viên
07/2006 -> nay	Xí nghiệp KDNS Hoàn Kiếm – Công ty Nước sạch Hà Nội nay là Công ty cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội	Phó Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 7.200 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
Trong đó:
Sở hữu cá nhân: 7.200 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
15. Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Không có
16. Các khoản nợ đối với công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không
18. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

3.2.3 Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Thủy
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 25/09/1965
4. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
5. Nơi sinh: Tuyên Quang



6. Địa chỉ thường trú: Số 21 ngõ 1 Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
7. Số CMND: 011938675 Ngày cấp: 05/03/2012 Nơi cấp: Hà Nội
8. Điện thoại liên hệ: 0936395268
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1987 – 5/1990	Cửa hàng thực phẩm ngã tư sở - Công ty Thực phẩm Hà Nội	Nhân viên nghiệp vụ kế hoạch
6/1990 – 3/1999	Ban phát triển nguồn nhân lực, phòng kế hoạch, phòng sản xuất nước – Công ty Nước sạch Hà Nội	Nhân viên thanh toán lương
4/1999 – 9/2005	Xí nghiệp KDNS Ba đình – Công ty Nước sạch Hà Nội	Phó giám đốc
10/2015 – 8/2015	Xí nghiệp KDNS Hoàn kiếm – Công ty Nước sạch Hà Nội	Phó giám đốc
9/2015 đến nay	Công ty Cổ phần SXKD Nước sạch số 3 Hà Nội	Phó giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 5.600 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ

Trong đó:

Sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

15. Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Không có
16. Các khoản nợ đối với công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không
18. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

3.2.4 Bà Vũ Thúy Hà – Kế toán trưởng Công ty

1. Họ và tên: Vũ Thúy Hà
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 06/01/1975



4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 15 Tổ 28 Cụm 4 Phú Thượng, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân số: 011887892 Nơi cấp:..CA TP Hà Nội.. Ngày cấp: 23/04/2009
8. Điện thoại liên hệ: 0983360175
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế Toán trưởng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T9/1994 đến 07/12/2015	Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Nội	Nhân viên
Từ 07/12/2015 đến nay	Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật:
14. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm 30/09/2016: 0 cổ phần
15. Sở hữu của người có liên quan (*họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ*): Không có
16. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Không
18. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra Hội đồng quản trị công ty đang nhanh chóng triển khai các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai giao. Cụ thể là:

- Hoàn thiện định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới. Xác định rõ định hướng ngành nghề để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển thị trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty; Xác định giá trị cốt lõi của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.



- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.

VI. PHỤ LỤC

- Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 của Xi nghiệp nước Hoàn Kiếm;
- Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán từ 01/09/2015 đến 31/12/2015 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
- Báo cáo tài chính Quý I năm 2016 của CTCP Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.



Bản Thông tin tóm tắt

CÔNG TY CỔ PHẦN SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2016

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trịnh Kim Giang

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Vũ Thúy Hà

Nguyễn Thị Thu Hiền

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Việt Thắng